

Bản án số: 26/2018/DS-ST.  
Ngày: 09/5/2018.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Nam Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Hoa.

2/ Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hằng Nga – cán bộ  
Tòa án nhân dân Quận 2.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị  
Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017,  
về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số 57/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa  
số 30/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Chí C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Kim Thiên T, sinh năm 1972 là đại  
diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 08/01/2018 lập tại Văn phòng Công  
chứng Lê văn Dũng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Huỳnh Thị Th, sinh năm:  
1955 là luật sư văn phòng luật sư Huỳnh Thị Th thuộc Đoàn luật sư Thành phố  
Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Phương K, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường Z, Quận Y, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim Thiên T, sinh  
năm 1972.

Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 và Bản tự khai ngày 16/11/2017, Nguyên đơn ông Đào Chí C trình bày như sau:

Do cần tiền làm ăn, nên từ đầu năm 2011 ông Phạm Phương K có vay tiền của ông theo phương thức vay rồi trả, khi cần lại vay tiếp. Đến năm 2013, hai bên chốt nợ thì ông K còn nợ ông số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng, ông K có ký giấy thỏa thuận mượn tiền ghi ngày 08/02/2013.

Theo giấy thỏa thuận mượn tiền này, thì không ghi thời hạn vay và lãi suất. Tuy nhiên, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng và trong vòng 10 ngày ông K sẽ trả cho ông 01 lần cả vốn lẫn lãi nhưng ông K không thực hiện. Ông đến nhắc nhở thì ông K viết giấy hẹn qua tết (tức ngày 13/3/2013) sẽ trả cho ông 500.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả hết vào ngày 13/5/2013 nhưng rồi ông K cũng không thực hiện. Vì cần tiền để vợ ông chữa bệnh (thay hộp sọ do đứt mạch máu não) nên vợ ông đã trực tiếp đến yêu cầu ông K trả nợ nhưng ông K lại hẹn tiếp, cụ thể như sau:

- Lần 2: ngày 15/8/2014 trả 200.000.000 đồng.

- Lần 3: ngày 30/3/2015 trả hết số nợ là 1.120.000.000 đồng. Thực tế số nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, còn số tiền 20.000.000 đồng là ông K tạm trả trước cho ông một ít lãi và hạn sau đó sẽ trả tiếp. Tuy nhiên, ông K cũng không thực hiện. Cho đến nay, ông K chưa trả cho ông đồng nào cả gốc và tiền lãi.

Hiện nay, gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế, tôi rất cần tiền để chữa bệnh cho vợ ông. Hiện vợ ông chỉ còn 25% sức lao động, không tự chăm sóc cho bản thân được mà phải cần đến sự giúp đỡ của người khác, nên ông rất cần tiền. Vì vậy, nay ông yêu cầu quý Tòa buộc ông Phạm Phương K phải trả số nợ trên cho ông như sau:

- Trả tiền nợ gốc là: 1.100.000.000 đồng.

- Lãi suất: không tính lãi trong hạn, chỉ tính lãi quá hạn (150%) và đề nghị điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật là 13,5%/năm, cụ thể như sau:

+ Thời gian tính lãi: từ ngày 13/3/2013 đến 30/3/2017 là: 24 tháng (làm tròn).

+  $1,1\% \times 1.100.000.000/100 = 12.100.000 \times 24 \text{ tháng} = 290.400.000$  đồng.

Tổng số tiền (gốc và lãi) ông yêu cầu Tòa buộc ông K phải trả là 1.390.000.000 đồng. Ông yêu cầu trả một lần, ngay sau khi án có hiệu lực thi hành.

Bị đơn ông Phạm Phương K: đã được Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do

chính đáng tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Kim Thiên T trình bày:*

Bà xác nhận số tiền 1.100.000.000 đồng ông C cho ông K vay là tiền chung của hai vợ chồng. Bà thống nhất với các ý kiến của ông C.

\* Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn ông Đào Chí C có bà Nguyễn Kim Thiên T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà thay đổi yêu cầu của ông C, buộc ông K phải trả nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu một mình ông K phải trả cả vốn lẫn lãi một lần, ngay sau khi án của Tòa có hiệu lực pháp luật cho vợ chồng bà.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Chí C, buộc bị đơn ông Phạm Phương K phải trả nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, trả cả vốn lẫn lãi một lần, ngay sau khi án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa đã công khai các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập theo quy định của pháp luật.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý và Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung yêu cầu của đương sự: đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp:** Theo đơn khởi kiện thì bị đơn ông Phạm Phương K có ký hợp đồng mượn tiền với nguyên đơn nên đây là quan hệ tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** đây là Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

**[3] Về tố tụng:**

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ và theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Phương K đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Xét phạm vi giải quyết của vụ án:* Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:* Nguyên đơn đã được tiếp cận các chứng cứ, bị đơn đã được tổng đạt niêm yết thông báo thụ lý, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không ai có yêu cầu, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 91, 91, Điều 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

Buộc một mình ông K phải trả nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, trả cả vốn lẫn lãi một lần, ngay sau khi án của Tòa có hiệu lực pháp luật cho ông C và bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: “Giấy xin thỏa thuận tín chấp mượn tiền” đề ngày 08/02/2013 được ký kết giữa ông Đào Chí C và ông Phạm Phương K có thỏa thuận ông C cho ông K mượn số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) không tính lãi suất, thời hạn hoàn lại bỏ trống (không ghi); tuy nhiên mặt sau của “Giấy xin thỏa thuận tín chấp mượn tiền” có ghi: “Hẹn qua tết trả trước 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) 13/3/2013 ký tên Phạm Phương K” và “số tiền còn lại trong vòng 2 tháng ngày 13/5/2013, tôi sẽ thanh toán đủ, ký tên Phạm Phương K”.

Tòa án nhân dân Quận 2 đã tổng đạt hợp lệ (ông K ký nhận trực tiếp) các văn bản tố tụng thông báo cho ông K biết về việc ông C khởi kiện đòi lại tiền nợ

vốn là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật theo giấy “Giấy xin thỏa thuận tín chấp mượn tiền” trên nhưng ông K không đến Tòa và cũng không gửi văn bản có ý kiến phản hồi lại yêu cầu khởi kiện của ông C. Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 2 căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn ông Đào Chí C cung cấp xác định việc ông K vay mượn tiền của ông C theo “Giấy xin thỏa thuận tín chấp mượn tiền” đề ngày 08/02/2013 được ký kết giữa ông Đào Chí C và ông Phạm Phương K là có thật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông K phải trả cho ông C, bà T số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng.

Về tiền lãi: ông Phạm Phương K cam kết đến ngày 13/5/2013 sẽ trả đủ số tiền cho ông C nhưng không thực hiện. Như vậy, kể từ ngày 13/5/2013 ông K phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (0,75%/ tháng; 0,025%/ngày) thì tiền lãi ông K phải trả kể từ ngày 13/5/2013 đến thời điểm xét xử ngày 09/5/2018 là 4 năm 11 tháng 26 ngày được tính như sau:

$1.100.000.000 \times 9\%/năm \times 4 \text{ năm} = 396.000.000 \text{ đồng.}$

$1.100.000.000 \times 0,75\%/tháng \times 11 \text{ tháng} = 90.750.000 \text{ đồng.}$

$1.100.000.000 \times 0,025\%/ngày \times 26 \text{ ngày} = 7.150.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền lãi là: 493.900.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Phạm Phương K phải trả cho ông Đào Chí C và bà Nguyễn Kim Thiên T là 1.593.900.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, nợ lãi là 493.900.000 đồng).

Xét thấy, việc ông K vay tiền đã lâu mà chưa trả nợ cho ông Đào Chí C và bà Nguyễn Kim Thiên T là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C và bà T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C và bà T buộc ông K phải trả ngay số tiền trên một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến của bà Th – luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đào Chí C phù hợp với các nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:**

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

**[6] Về án phí:**

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Phạm Phương K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 59.817.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 21; khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 95, 96; Điều 210; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 2; Điều 6, 7; Điều 9; Điều 26; Điều 30; Điều 35; Điều 53 và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Chí C:**

Buộc ông Phạm Phương K phải trả cho ông Đào Chí C và bà Nguyễn Kim Thiên T số tiền là 1.593.900.000 đồng (một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và nợ lãi là 493.900.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Đào Chí C và bà Nguyễn Kim Thiên T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Phương K chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng ông K còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 59.817.000 đồng ông Phạm Phương K phải chịu.

Hoàn trả cho ông Đào Chí C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.856.000 đồng theo biên lai số 0008583 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:**

- Thời hạn kháng cáo bản án của ông C, bà T là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Thời hạn kháng cáo bản án của ông Phạm Phương K là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Tạ Nam Phương**